

DỰ THẢO**TỔNG HỢP RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CDC**

Ghi chú: - Nội dung được bổ sung: gạch chân
- Nội dung được loại bỏ: ~~gạch ngang~~

TT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ		
1.1	Điểm h: h/ “ <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> ” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này	Điểm h: h/ “ <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> ” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> , thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này	- Theo khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020. - Phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty
1.2	Điểm m: m/ “ <i>Thời hạn hoạt động</i> ” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua	Điểm m: m/ “ <i>Thời hạn hoạt động</i> ” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua	Đề xuất sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 2 của Điều lệ.
2	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty		
2.1	Khoản 1: Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Khoản 1: Công ty có 01 <u>03</u> người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> , <u>Tổng giám đốc</u> là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	- Khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020. - Phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty

2.2	Không có	<p><u>Khoản 3:</u> Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) <u>Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;</u></p> <p>b) <u>Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp, không lam dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p>c) <u>Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.</u></p>	Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2020.
2.3	Không có	<p><u>Khoản 4:</u></p> <p><u>Cơ chế chuyển giao quyền hạn và nghĩa vụ giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định:</u></p> <p>a) <u>Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị rơi vào trường hợp nêu trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc quyền nghĩa vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u></p>	- Khoản 3 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020.

		b) <u>Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc rơi vào trường hợp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.</u>	
3	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập		
3.1	Khoản 1 Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 VND (<i>Ba trăm năm mươi tỷ đồng</i>).	Khoản 1: Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 VND (<i>Ba trăm năm mươi tỷ đồng</i>).	Sửa đổi sau khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo NQ của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 27/12/2024
4	Điều 10. Thu hồi cổ phần (Đối với TH khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)		
4.1	Điều 10. Thu hồi cổ phần (Đối với TH khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	Lược bỏ Điều này	Trường hợp thu hồi cổ phần chỉ áp dụng trong trường hợp đăng ký thành lập DN (CDC đã thành lập từ năm 2011)
4.1	Không có	<u>Điều 10. Thừa kế cổ phần</u> Việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Bộ Luật Dân sự. Các cá nhân, tổ chức nhận thừa kế cổ phần quy định chỉ trở thành cổ đông của công ty từ thời điểm thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ cổ đông của Công ty.	- Điều 612 Bộ luật dân sự 2015 - Khoản 3,4 Điều 127 LDN 2020
5	Điều 12. Quyền của cổ đông		
5.1	Điểm d khoản 1: d/ Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp (hạn	Điểm d khoản 1: d/ Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp (hạn	- Khoản 3 Điều 120 và Khoản 1 Điều 127 LDN 2020 đã quy định cụ thể nên nội dung tại Điều lệ hiện hành là không cần thiết

	chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập) và quy định khác của pháp luật có liên quan;	chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập) và quy định khác của pháp luật có liên quan;	
5.2	Điểm h khoản 1 Điều 12: h/ Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp (mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông).	Điểm h khoản 1: h/ Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp (mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông).	- Điều 132 LDN 2020 đã quy định cụ thể nên nội dung tại Điều lệ hiện hành là không cần thiết
6	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông		
6.1	Không có	Khoản 4: <u>Trừ khi vi phạm điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền và/hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện một hoặc một số quyền và/hoặc nhiệm vụ của mình. Nội dung ủy quyền và/ hoặc giao quyền phải được xác định rõ ràng và cụ thể.</u>	Đề xuất bổ sung quy định này để tạo điều kiện cho HĐQT có quyền đại diện cho ĐHĐCĐ thực hiện một số quyền hạn, nghĩa vụ của ĐHĐCĐ như: thông qua kết quả chào bán chứng khoán, triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
7	Điều 18 Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông		
7.1	Khoản 3: 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày	Khoản 3: 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày	Đề xuất lược bỏ nội dung không phù hợp có khả năng gây khó khăn cho HĐQT trong quá trình triệu tập họp ĐHĐCĐ.

	<p>trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a/ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b/ Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c/ Phiếu biểu quyết;</p> <p>d/ Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp</p>	<p>trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a/ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b/ Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c/ Phiếu biểu quyết;</p> <p>d/ Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp</p>	
8	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông		
8.1	<p>Khoản 1:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp dưới đây phải được</p>	<p>Khoản 1:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các trường hợp dưới đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền</p>	<p>- Tạo điều kiện cho HĐQT không phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để xin ý kiến về các vấn đề trên.</p> <p>Điều 149 Luật Doanh nghiệp cho phép Điều lệ quy định các trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tại Điều lệ.</p>

	<p>thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; - Định hướng phát triển công ty; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; - Tổ chức lại, giải thể công ty 	<p><u>của Đại hội đồng cổ đông, kể cả các trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; - Định hướng phát triển công ty; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; - Tổ chức lại, giải thể công ty 	
9	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị		
9.1	<p>Khoản 1:</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 05 người, tối đa là 11 người. Thành viên hội đồng quản trị không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp</p>	<p>Khoản 1:</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 05 người, tối đa là 11 người là <u>05 người</u>. Thành viên hội đồng quản trị không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tại HĐQT là 05 người, đề xuất quy định rõ số lượng HĐQT tại điều lệ này tránh trường hợp ghi chung chung theo Luật doanh nghiệp. - Điều 154 Luật Doanh nghiệp đã quy định số lượng thành viên HĐQT.
10	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	

10.1	Khoản 1: Chủ tịch, Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Khoản 1: Chủ tịch, <u>Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	- Khoản 1 Điều 156 LDN 2020 - Phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty
10.2	Điểm f khoản 3	Lược bỏ	- Nội dung này được phân quyền cụ thể tại Điều 3 Quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật và theo quy định của pháp luật trong trường hợp công ty có từ 02 người đại diện theo pháp luật trở lên
10.3	Điểm g khoản 3	Lược bỏ	
10.4	Điểm h khoản 3	Lược bỏ	
10.5	Điểm i khoản 3	Lược bỏ	
10.6	Điểm j khoản 3	Lược bỏ	
10.7	Điểm k khoản 3: k/ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Điểm f khoản 3: f/ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và <u>Điều lệ này.</u>	
10.8	Khoản 5: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người	Khoản 5: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho <u>Phó Chủ tịch</u> thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người	Sửa đổi theo thực tế phân quyền tại công ty

	trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
11	Không có	<u>Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT</u>	
11.1		<p>1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.</u></p> <p>2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định các nghĩa vụ sau:</u></p> <p>a) <u>Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</u></p> <p>b) <u>Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</u></p> <p>c) <u>Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</u></p> <p>d) <u>Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</u></p>	- Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP Quy định về quyền và Nghĩa vụ của thành viên HĐQT trong công ty đại chúng

		<p><u>đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>3. <u>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></p>	
12	Điều 30. Cuộc họp HĐQT	Điều 31. Cuộc họp HĐQT	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
12.1	<p>Khoản 13:</p> <p>Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng 100% số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Khoản 13:</p> <p>Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng 100% số thành viên Hội đồng quản trị <u>đương nhiệm là hợp pháp 100% thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua là hợp pháp</u> và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	Sửa đổi các diễn đạt quy định trên.
13	Không có	Điều 32. Biên bản họp HĐQT	
13.1		<p>1. <u>Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a) <u>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>b) <u>Thời gian, địa điểm họp;</u></p> <p>c) <u>Mục đích, chương trình và nội dung họp;</u></p> <p>d) <u>Ho, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; ho, tên các thành viên không dự họp và lý do;</u></p> <p>đ) <u>Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</u></p>	Bổ sung nội dung theo quy định tại Điều 158 LDN 2020

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ toạ và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ toạ, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ toạ, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có

		<u>sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u>	
14	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
15	Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 34. Người phụ trách quản trị Công ty	
16	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý	
17	Điều 34. Người điều hành Công ty	Điều 36. Người điều hành Công ty	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
18	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của TGD	Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của TGD	
18.1	Điểm e khoản 4: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều chuyển, ký kết, tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng lao động,... đối với các chức danh không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;	Điểm e khoản 4 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều chuyển, ký kết, tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng lao động,... đối với các chức danh <u>quản lý trong công ty</u> không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;	Theo quy định thẩm quyền của HĐQT chỉ bổ nhiệm chức danh quản lý như Tổng giám đốc. Còn các chức danh khác không phải chức danh quản lý thì không thuộc thẩm quyền của HĐQT.
18.2	Điểm i khoản 4	Lược bỏ	Nội dung này đã được quy định trong thẩm quyền của NĐDTPL
18.3	Điểm j khoản 4	Lược bỏ	
18.4	Điểm k khoản 4	Lược bỏ	
18.5	Điểm l khoản 4	Lược bỏ	
18.6	Khoản 5: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu	<u>Khoản 5:</u> Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu	Nội dung tại Điều lệ hiện hành đã được thể hiện tại phần thẩm quyền của HĐQT, đề xuất thay thế bằng nội

	quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.	dung trách nhiệm của Tổng giám đốc tại khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
18.7	Không có	<u>Khoản 6:</u> <u>1. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:</u> <u>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;</u> <u>b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</u> <u>c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</u>	Bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật DN
19	Không có	<u>Điều 38. Công khai các lợi ích liên quan</u>	
19.1		<u>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;</u>	Bổ sung quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp

		<p><u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</u></p> <p>a) <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</u></p> <p>b) <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</u></p> <p><u>3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;</u></p> <p><u>4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</u></p> <p>a) <u>Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</u></p> <p>b) <u>Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;</u></p>	
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

		<p>c) <u>Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;</u></p> <p>d) <u>Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;</u></p> <p>5. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.</u></p>	
20	Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên)	Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên)	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
21	Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	Điều 40. Thành phần ban kiểm soát	
22	Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	Điều 41. Trưởng Ban kiểm soát	

23	Không có	<u>Điều 42. Quyền và trách nhiệm của Kiểm soát viên</u>	
23.1		<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.</u> 2. <u>Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</u> 3. <u>Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.</u> 4. <u>Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</u> 5. <u>Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u> 6. <u>Trưởng hợp vi phạm quy định tại các khoản 2,3,4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại</u> 	Bổ sung theo quy định Điều 107,173 LDN 2020

		<p><u>đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.</u></p> <p>7. <u>Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</u></p>	
24	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 43. Quyền và nghĩa vụ ban kiểm soát	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
24.1	<p>Khoản 7 :</p> <p>“Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty đại chúng do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p>	<p>Khoản 7:</p> <p>“Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty đại chúng do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p>	Đề xuất sửa đổi như trên để cụ thể hóa vào quy định nội bộ doanh nghiệp.
25	Điều 40. Cuộc họp Ban kiểm soát	Điều 44. Cuộc họp ban kiểm soát	
26	Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
27	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	

27.1	Khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan	Khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 37 của Điều lệ này</u> của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định pháp luật liên quan.	Dẫn chiếu thêm quy định tại Điều lệ để đảm bảo căn cứ pháp lý	
28	Điều 43. Trách nhiệm bồi thường	Điều 47. Trách nhiệm bồi thường	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo	
29	Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ		
30	Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	Điều 49. Công nhân viên và công đoàn		
31	Điều 46. Phân phối lợi nhuận	Điều 50. Phân phối lợi nhuận		
32	Điều 47. Tài khoản ngân hàng	Điều 51. Tài khoản ngân hàng		
33	Điều 48. Năm tài chính	Điều 52. Năm tài chính		
34	Điều 49. Chế độ kế toán	Điều 53. Chế độ kế toán		
35	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	Điều 54. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý		Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
36	Điều 51. Báo cáo thường niên	Điều 55. Báo cáo thường niên		
37	Điều 52. Kiểm toán	Điều 56. Kiểm toán		
38	Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	Điều 57. Dấu của doanh nghiệp		
38.1	Khoản 3 Con dấu được lưu giữ tại văn phòng Công ty, do Phòng Hành chính Nhân sự quản lý. Chỉ được mang con dấu	Khoản 3 Con dấu được lưu giữ tại văn phòng Công ty, do Phòng Hành chính Nhân sự quản lý. Chỉ được mang con dấu		Công ty hiện chỉ có Phòng Hành chính

	ra ngoài trụ sở khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc đồng ý bằng văn bản	ra ngoài trụ sở khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc đồng ý bằng văn bản	
39	Điều 54. Giải thể công ty	Điều 58. Giải thể công ty	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
40	Điều 55. Gia hạn hoạt động	Điều 59. Gia hạn hoạt động	
41	Điều 56. Thanh lý	Điều 60. Thanh lý	
42	Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
43	Điều 58. Điều lệ Công ty	Điều 62. Điều lệ Công ty	
43.1	Khoản 2 Điều: Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.	Khoản 2 Điều 62: Bổ sung cụm từ “ pháp luật” Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định <u>pháp luật</u> đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.	
44	Điều 59. Ngày hiệu lực	Điều 63. Ngày hiệu lực	Thay đổi số thứ tự tại Điều lệ dự thảo
45	Khoản 1 Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng CDC nhất trí thông qua ngày 23 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Khoản 1 Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều 21 mục, 63 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng CDC nhất trí thông qua 23 tháng 03 năm 2022 ngày 11 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Sửa đổi theo thực tế ban hành
46	Khoản 4	Khoản 4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu	Đề xuất sửa đổi phù hợp với thực tế vận hành Công ty

	Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <u>Có chữ ký của ít nhất một người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.</u>	
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--